

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 295/STTTT-TTtr ngày 23/6/2015; của Sở Nội vụ tại Văn bản số 622/SNV-CCHC ngày 05/6/2015; của Sở Tư pháp tại Văn bản số 973/STP-KSTT ngày 16/6/2015,

· QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh.

1. Trường hợp TTHC nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các TTHC mới được ban hành thì áp dụng theo đúng quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp TTHC do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ các Quyết định sau đây của UBND tỉnh: số 2673/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 về việc công bố Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông; số 3498/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 về việc công bố các TTHC được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VX₁;
- Gửi: Bản giấy (15b) và Điện tử.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiện



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2444/QĐ-UBND
ngày 24/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ TRANG
I	Lĩnh vực Bưu chính viễn thông	
1	Thẩm định vị trí xây dựng các trạm thu, phát sóng thông tin di động (BTS)	03-04
2	Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây xã, phường, thị trấn	05-11
3	Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép sử dụng tần số đối với các thiết bị đặt trên các phương tiện nghề cá	12-18
4	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông	19-21
5	Cấp giấy phép cung ứng dịch vụ thư trong phạm vi nội tỉnh	22-26
6	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	27-30
7	Thẩm định cho phép doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cấp mạng lưới dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh	31-32
8	Thẩm định trình UBND tỉnh cho phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn	33-34
II	Lĩnh vực Công nghệ thông tin	
1	Thẩm định thiết kế sơ bộ (hoặc thiết kế cơ sở) dự án Công nghệ Thông tin	35-37
2	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Thiết kế thi công – Tổng dự toán dự án CNTT (đối với dự án CNTT do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo thẩm quyền được UBND cấp trên giao)	38-42
III	Lĩnh vực Báo chí, Xuất bản	
1	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	43-48
2	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	49-53

3	Thẩm định hồ sơ đề nghị Cục Báo chí cấp thẻ nhà báo	54-58
4	Cho phép họp báo	59-61
5	Thẩm định hồ sơ cho phép thành lập và hoạt động cơ quan đại diện, phóng viên thường trú báo chí Trung ương và tỉnh bạn hoạt động trên địa bàn	62-63
6	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	64-66
7	Cấp Giấy phép hoạt động in đối với xuất bản phẩm, sản phẩm báo chí, tem chống giả cho cơ sở in của địa phương	67-71
8	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân của địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc của cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương	72-75
9	Cấp giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	76-78
10	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở địa phương	79-81
11	Cấp giấy phép in gia công cho nước ngoài sản phẩm không phải là xuất bản phẩm đối với cơ sở in của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương	82-84
12	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	85-88